

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 73/2019/DS-PT

Ngày 26-11-2019

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hà Nam

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu

Ông Mai Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2019/QĐXXPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị L, sinh năm 1965;

Trú quán: Xóm 6, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Mai Thị Y, sinh năm: 1987;

Trú quán: Số nhà 1/17/43/178, đường T, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định (Văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 11 năm 2019).

- Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1959

Trú quán: Xóm 6, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984;

Trú quán: Xóm 6, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định. (Văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 11 năm 2019).

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1972;

Trú quán: Xóm 6, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

- *Người kháng cáo*: Bà Lâm Thị L, là nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông N vắng mặt; các đương sự khác đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2019, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lâm Thị L và người đại diện theo ủy quyền chị Mai Thị Y trình bày: Năm 1990 bà L có mua một mảnh đất có diện tích là $90m^2$, chiều rộng mặt đường là 6m chiều dài là 15m đến năm 2001 UBND xã G đã bán thêm cho bà 1m chiều dài sát phía sau thổ giáp với trường THCS G. Diện tích đất nhà bà là $96m^2$ gồm chiều dài là 16m, rộng 6m. Địa giới tiếp giáp như sau:

Phía Đông giáp bờ hồ của trường THCS G

Phía Tây giáp đường đi xã Giao Thịnh

Phía Nam giáp nhà ông Nguyễn Văn T (tức bà T)

Phía Bắc giáp nhà bà Đoàn Thị Vận

Năm 1991 gia đình bà đã xây 1 căn nhà cấp 4 mái bằng trên mảnh đất trên có diện tích chiều ngang là $5,6m^2$ và công trình phụ chạy dọc theo mảnh đất, còn lại 0,4m chiều ngang chạy dọc theo nhà và công trình phụ, gia đình bà đã để làm rãnh thoát nước giáp nhà bà T.

Ngày 16 tháng 8 năm 2010 UBND huyện Giao Thủy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2984/QĐ-UBND với diện tích là $96m^2$ cho bà.

Vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị T có mảnh đất liền kề với gia đình bà tiếp giáp phía Nam, khoảng năm 2010 ông Tâm qua đời bà T vẫn ở mảnh đất trên, giữa gia đình bà và gia đình bà T không có tranh chấp gì.

Tháng 3 năm 2018 gia đình bà T phá nhà, xây lại nhà mới đã xây lấn sang đất của nhà bà chiều ngang là 0,4m chiều dài chạy dọc theo thổ đất là 16m với diện tích $0,4m \times 16m = 6,4m^2$. Bà đã làm đơn đề nghị UBND xã G giải quyết nhưng hai bên không thống nhất được. Bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy buộc bà Lê Thị T phải trả cho bà $6,4m^2$ để đúng với diện tích đã được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $96m^2$.

Tại phiên tòa bà yêu cầu bà T phải trả cho bà diện tích đất tính từ mép phía Nam còn lại của rãnh thoát nước về phía nhà bà T chiều ngang là 0,2m, chiều dài chạy dọc thửa đất là 16m.

Tại bản tự khai ngày 25/02/2019, các văn bản khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Giữa gia đình chị và gia đình bà L không có quan hệ họ hàng gì, chỉ là hàng xóm láng giềng. Bố mẹ chị mua đất do UBND xã G bán chiều rộng là 8m, chiều dài là 16m; năm 2006 bố mẹ chị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

với diện tích là 128m². Năm 1999 giữa bố chị là ông Nguyễn Văn T và chú ruột chị là ông Nguyễn Văn N có đất liền kề (về phía Nam) với thửa đất của bố mẹ chị đã lập một văn bản với nội dung: Bố chị và ông N mỗi người để ra 0,2m đất chiều ngang chạy dọc theo thổ đất để làm rãnh thoát nước. Vì hai nhà có chung nhau một bức tường, nên đã làm rãnh thoát nước ở phía Bắc thổ đất nhà bố chị giáp với thổ đất của bà Lâm Thị L. Văn bản thỏa thuận trên đã được UBND xã G ký xác nhận vào năm 1999. Năm 2018 mẹ chị phá nhà cũ trên thổ đất đang ở xây nhà mới và đã xây hết diện tích làm rãnh thoát nước sát với đất nhà bà L, thì bà L cho rằng phần diện tích rãnh thoát nước thuộc quyền sử dụng của nhà mình nên đã đập bức tường xây phía sau nhà của mẹ chị và tự đào cột mốc phía trước nhà rồi làm đơn kiện mẹ chị đến UBND xã G cho rằng mẹ chị lấn chiếm đất. Nay bà L khởi kiện buộc mẹ chị phải trả lại cho bà diện tích đất như bà đã trình bày là không có căn cứ, vì qua thẩm định đo đạc thì kích thước chiều ngang đất của mẹ chị là 8m không thừa so với lúc mua ban đầu. Khi thẩm định, diện tích đất của mẹ chị có dư 3m² là do cơ quan đo đạc đo cả phần đất lưu không phía trước và rãnh thoát nước phía sau của nhà trường THCS G, nên chiều phía Nam 16,5m (tăng 0,5m) chiều phía Bắc 16,6m (tăng 0,6m) so với được cấp phía Nam và phía Bắc đều có kích thước 16m.

Người làm chứng là ông Nguyễn Văn N trình bày: Giữa nhà ông và nhà ông Tâm có chung nhau một bức tường, để có rãnh thoát nước chung cho hai nhà nên ông và ông Tâm mỗi người dành ra 0,2m (tổng cộng cả hai nhà là 0,4m) đất chiều ngang chạy dọc thổ đất từ phía trước về phía sau nhà làm rãnh thoát nước ở vị trí về phía Bắc nhà ông Tâm tiếp giáp với thổ đất nhà ông Chí (chồng bà L). Để tránh dẫn đến xảy ra mâu thuẫn sau này nên ông và ông Tâm đã lập văn bản thỏa thuận với nội dung như trên và đã được UBND xã G xác nhận từ năm 1999 lúc đó chưa có mâu thuẫn gì giữa nhà ông Tâm với nhà bà L.

Theo yêu cầu của bà L đề nghị xem xét, thẩm định và định giá tài sản, Tòa án đã thành lập Hội đồng xem xét thẩm định và định giá nhà đất hộ gia đình bà L và bà T. Kết quả như sau:

** Đối với thửa đất của bà Lâm Thị L:*

Thửa đất số 6 tờ bản đồ số 10 xã G

Phía Đông giáp bờ hồ trường THCS xã G dài 5,4m

Phía Tây giáp đường đi xã Giao Thịnh dài 6.0m

Phía Nam giáp nhà bà T dài 16,6m

Phía Bắc giáp nhà bà Vận dài 16,57m

Thẩm định đo đạc hiện trạng có diện tích là 92 m².

** Đối với thửa đất của bà Lê Thị T:*

Thửa đất số 7 tờ bản đồ số 10 xã G

Phía Đông giáp bờ hồ trường THCS xã G dài 7,8m

Phía Tây giáp đường đi xã Giao Thịnh dài 8.0m

Phía Nam giáp nhà ông N dài 16,5m

Phía Bắc giáp nhà bà L dài 16,6m

Thẩm định đo đạc hiện trạng có diện tích 131 m²

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ Điều 203 Luật đất đai; Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị L đối với bà Lê Thị T về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

2. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/7/2019, bà Lâm Thị L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 11/7/2019 của TAND huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét các vấn đề sau:

- Đề nghị cấp phúc thẩm tiến hành đo đạc lại và đo tất cả các nhà ở dải đất.
- Chỉ rõ mô mốc giữa nhà bà và nhà bà Lê Thị T.
- Giải thích rõ ràng, minh bạch, hợp pháp có căn cứ theo pháp luật để tìm ra phần đất thiếu của gia đình bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lâm Thị L vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, sửa bản án số 05/2019/DS-ST ngày 11/7/2019 của TAND huyện Giao Thủy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bà Lâm Thị L được làm trong thời hạn luật định, do vậy được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của bà Lâm Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nguồn gốc diện tích đất của hộ gia đình bà Lâm Thị L và hộ gia đình bà Lê Thị T, đều là đất mua của Ủy ban nhân dân xã G, huyện Giao Thủy từ năm 1990; tọa lạc tại xóm 6, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định. Các thửa đất của gia đình bà L và gia đình bà T liền kề nhau và đều có hướng Tây giáp đường liên xã, hướng Đông giáp hồ của trường THCS xã G; còn các hướng Nam, Bắc giáp các hộ liền kề. Năm 1991 gia đình bà L xây 1 căn nhà mái bằng trên thửa đất có kích thước chiều ngang là 5,6m và công trình phụ chạy dọc theo thửa đất, còn lại 0,4m chiều ngang chạy dọc theo nhà và công trình phụ, gia đình bà đã để làm rãnh thoát nước giáp nhà bà T. Đến năm 2018 gia đình bà T phá nhà cũ xây nhà mới đã xây lấn sang đất của gia đình bà, nhưng ngoài lời khai ra, bà L không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do vậy yêu cầu khởi kiện của bà L không được cấp sơ thẩm chấp nhận. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án việc đo đạc xem xét, thẩm định tại chỗ cấp sơ thẩm đã không xác định rõ mốc giới giữa gia đình nhà bà L với gia đình bà T. Căn cứ đơn kháng cáo của bà L ngày 19/11/2019, TAND tỉnh Nam Định đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc, kết quả cho thấy:

- Đối với thửa đất của gia đình bà L, hiện trạng sử dụng có các số đo cụ thể như sau:

+ Về cạnh phía tây giáp đường liên xã tính từ mép ngoài chân móng tường nhà bà L - Giáp đất gia đình bà Vận đến sát mép ngoài chân móng tường nhà bà T dài 5,88 m;

+ Về cạnh phía đông tính từ mép ngoài tường bao của gia đình bà L đến mép ngoài tường bao của gia đình bà T dài 5,49 m;

+ Đối với các cạnh phía nam và phía bắc kích thước không thay đổi.

- Đối với thửa đất của gia đình nhà bà T, hiện trạng sử dụng, do gia đình bà T với gia đình ông N trước đây có xây chung tường; vì vậy cần phải đo cả diện tích đất của gia đình ông N. Các số đo cụ thể như sau:

+ Về cạnh phía tây giáp đường liên xã tính từ mép ngoài chân móng tường nhà bà T - Giáp đất nhà bà L đến $\frac{1}{2}$ khe hở giữa đất nhà ông N và ông Minh dài 12,06 m; sau khi trừ đi 4,09 m đất nhà ông N, thì đất nhà bà T còn 7,97 m.

+ Về cạnh phía đông tính từ mép ngoài tường bao của nhà bà T - Giáp nhà bà L đến $\frac{1}{2}$ khe hở giữa đất nhà ông N và ông Minh dài 11,93 m; sau khi trừ đi 4,10 m đất nhà ông N, thì đất nhà bà T còn 7,83 m.

+ Đối với các cạnh phía nam và phía bắc kích thước không thay đổi.

Như vậy, thông qua việc đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ cho thấy về chiều dài của các cạnh phía tây và phía đông (Cạnh đang xảy ra tranh chấp) thửa đất của gia đình bà L và bà T trên thực tế đều thiếu so với giấy tờ được cấp. Vì vậy, việc bà L khởi kiện cho rằng vào năm 2018, gia đình bà T xây nhà lấn sang

đất của gia đình bà L là không có căn cứ. Tuy nhiên để giải quyết triệt để tranh chấp cấp phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà L, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, để xác định lại mốc giới giữa hai thửa đất của gia đình bà L và bà T.

[3] Về số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà L phải nộp chi phí cho việc đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Đối trừ số tiền tạm ứng đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ mà bà L đã nộp là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Bà L được hoàn lại 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà L được chấp nhận nên bà L không phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm. Bà L được hoàn lại số tiền tạm ứng dân sự phúc thẩm đã nộp.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa bản án sơ thẩm

Căn cứ Điều 148; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Thị L: Ranh giới giữa thửa đất của hộ gia đình bà Lâm Thị L và hộ gia đình bà Lê Thị T được xác định là một đường thẳng, sát mép ngoài hàng gạch chân móng tường nhà bà T, tính từ tây sang đông.

Các đương sự phải có nghĩa vụ tháo dỡ các công trình xây dựng ảnh hưởng đến ranh giới nói trên.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà L phải nộp chi phí cho việc đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Đối trừ số tiền tạm ứng đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ mà bà L đã nộp là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Bà L được hoàn lại 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng); bà L đã được nhận đủ số tiền nói trên.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà L được chấp nhận nên bà L không phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm. Bà L được hoàn lại số tiền tạm ứng dân sự phúc thẩm đã nộp.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hà Nam

Nam Định, ngày 26 tháng 11 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 11 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Hà Nam**

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu

Ông Mai Anh Tuấn

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 32/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

- **Nguyên đơn:** Bà Lâm Thị L, sinh năm 1965;

Trú quán: Xóm 6, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Mai Thị Y, sinh năm: 1987;

Trú quán: Số nhà 1/17/43/178, đường T, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định (Văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 11 năm 2019).

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị T, sinh năm 1959

Trú quán: Xóm 6, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1984;

Trú quán: Xóm 6, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định. (Văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 11 năm 2019).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Ý kiến của bà Vũ Thị Thu:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 148; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Thị L: Ranh giới giữa thửa đất của hộ gia đình bà Lâm Thị L và hộ gia đình bà Lê Thị T được xác định là một đường thẳng, sát mép ngoài hàng gạch chân móng tường nhà bà T, tính từ tây sang đông.

Các đương sự phải có nghĩa vụ tháo dỡ các công trình xây dựng ảnh hưởng đến ranh giới nói trên.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà L phải nộp chi phí cho việc đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Đối trừ số tiền tạm ứng đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ mà bà L đã nộp là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Bà L được hoàn lại 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng); bà L đã được nhận đủ số tiền nói trên.

3. Về án phí: Bà L không phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm. Bà L được hoàn lại số tiền tạm ứng dân sự phúc thẩm đã nộp.

Ý kiến của ông Mai Anh Tuấn và ông Vũ Hà Nam hoàn toàn nhất trí với ý kiến của bà Thu như đã nêu trên.

Kết quả biểu quyết 03/03 = 100%.

Biên bản lập xong, đã thông qua cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe rõ và nhất trí ký tên dưới đây./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu

Mai Anh Tuấn

Vũ Hà Nam